

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022.

V/v tranh chấp: “Ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa
2. Bà Lê Thị Kiều Thu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 394/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2022/QĐST-HPT ngày 19/8/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1969;

***Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thành Q**, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ đăng ký thường trú: Khu phố 04, phường Bình H, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

- Về quan hệ Hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành Q tự nguyện tìm hiểu yêu thương, tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, tại phường Bình H, thành phố Phan T, nhưng không đăng ký kết hôn;

Quá trình chung sống, ông bà hạnh phúc được một thời gian, nhưng sau khi sinh con thì ông bà thường xuyên mâu thuẫn, do ông Q thay đổi tính tình, thường

xuân bạo hành bà, không chăm lo cho cuộc sống kinh tế gia đình, nhưng bà vẫn cố gắng chịu đựng vì con chung.

Nay con chung của ông bà đã trưởng thành, nhưng cuộc sống chung vợ chồng cũng không cải thiện, vợ chồng không còn hòa hợp, không còn tình cảm, do vậy bà không thể đăng ký kết hôn để tiếp tục chung sống như vợ chồng với ông Q, mà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành Q.

Về con chung: Thời gian chung sống như vợ chồng, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim T (nữ), sinh ngày 10/8/1992, hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật.

* Ông Nguyễn Thành Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý giải quyết của tòa án đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim P, nhưng ông Q không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và không có văn bản trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

*Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát Phan Thiết phát biểu quan điểm về quá trình kiểm sát hồ sơ:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy:

-Tòa án giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng theo quyết định phân công của Chánh án Tòa án Phan Thiết, đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật; các đương sự được triệu tập có mặt tại phiên tòa và đã trình bày đầy đủ nguyện vọng của mình trong việc giải quyết vụ kiện.

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành Q và bà Nguyễn Thị Kim P chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1991, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên không thể đăng ký kết hôn để là vợ chồng hợp pháp, do vậy nay bà P yêu cầu giải quyết ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 03 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, điểm b khoản 02 Thông tư liên tịch số 01/2001/ TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông Quốc.

-Về con chung: Con chung của ông bà đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu, đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] **Về trình tự thủ tục tố tụng:** Bà Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu Tòa án thành phố Phan Thiết giải quyết ly hôn đối với bị đơn là ông Nguyễn Thành Q, hiện đang sinh sống tại khu phố 04, phường Bình H, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận; Do vậy theo qui định tại khoản 07 Điều 28, điểm a khoản 01 điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:**

Xét thấy theo giấy khai sinh con chung, và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 172/UBND-XNTTHN ngày 20/5/2022 của UBND phường Bình H cùng với lời khai của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P đã đủ căn cứ xác định: Ông Nguyễn Thành Q và bà Nguyễn Thị Kim P đã chung sống như vợ chồng từ năm 1992 cho đến hiện nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết*”.

Tại điểm b khoản 02 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 1 năm 2001 của Bộ tư pháp - Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định :

2.Đối với trường hợp nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 trở đi đến trước ngày 01/01/2001 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực) mà có đủ điều kiện kết hôn, nhưng chưa đăng ký kết hôn và đang chung sống với nhau như vợ chồng, thì theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Q hội họ có nghĩa vụ đăng ký kết hôn kể từ ngày 01/01/2001 cho đến ngày 01/01/2003

b. Kể từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Q hội họ không được công nhận là vợ chồng; nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết và áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Q hội, khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bằng bản án tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng;

Xét thấy thời điểm xác lập quan hệ Hôn nhân của bà P và ông Q là trước ngày Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực pháp luật nhưng cho đến thời điểm hiện nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Nay bà Nguyễn Thị Kim P xác định ông bà thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa hợp, không có hạnh phúc nên bà xác định không thể đăng ký kết hôn để trở thành vợ chồng hợp pháp, và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Ông Nguyễn Thành Q đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không chịu đến tòa trình bày ý kiến chứng tỏ ông cũng không mong muốn thuyết phục bà P cùng đăng ký kết hôn để trở thành vợ chồng hợp pháp.

Do vậy Tòa án áp dụng các quy định pháp luật đã viện dẫn nêu trên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn thị Kim P và ông Nguyễn Thành Q.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng, ông Nguyễn Thành Q và bà Nguyễn Thị Kim P có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Thị Kim T (nữ), sinh ngày 10/8/1992. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và quy định tại điểm 1.1 khoản 01 phần II mục A Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Q Hội. Tiền tạm ứng án phí do bà P nộp tại biên lai số 0009760 ngày 01/6/2022 sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Áp dụng: Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Khoản 04 Điều 147, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 01 khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, điểm b khoản 02 Thông tư liên tịch số 01/2001/ TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP .

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử :

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Thành Q.

[2.2]Về con chung: Ông Nguyễn Thành Q và bà Nguyễn Thị Kim P có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Thị Kim T (nữ), sinh ngày 10/8/1992. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét .

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền tạm ứng án phí do bà P nộp tại biên lai số 0009760 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết

được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình; Bà P đã nộp xong án phí sơ thẩm;

Án xử công khai có mặt Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn; Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo bản án của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND nơi cư trú của DS;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Như Xuân